

2. PHƯỜNG NAM CƯỜNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đường Trần Bình Trọng	Đoạn từ đường lên đồi Ra đa (số nhà 48 ông Uân)	Hết đất nhà ông Thụ số nhà 56, Đối diện đường Phạm Ngũ Lão	13.000	7.800	6.500
		Đoạn giáp ranh nhà ông Thụ	Hết đập Nam Cường	10.000	6.000	5.000
		Đoạn giáp đập Nam Cường	Tiếp giáp đất ở nhà ông Đảng số nhà 398, đối diện hết đất Trụ sở Công an phường Nam Cường	9.000	5.400	4.500
		Đoạn từ nhà ông Đảng số nhà 398	Trạm gác Sân Bay Yên Bái	8.000	4.800	4.000
2	Đường Lê Chân	Đoạn giáp ranh giới phường Yên Bái	Ngã ba đường Thao trường (hết đất số nhà 68) - đối diện ngã ba đường Đồng Tiến (tiếp giáp đất số nhà 81)	9.000	5.400	4.500
		Ngã ba đường Thao trường (hết đất số nhà 68)	Nhánh rẽ giáp ngõ 118, đối diện bên đường hết đất số nhà 127	8.000	4.800	4.000
		Đoạn từ Nhánh rẽ giáp ngõ 118	Đến Khu di tích lịch sử Đình,	7.600	4.560	3.800

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
			Đền, Chùa Nam Cường			
3	Đường Phạm Khắc Vinh	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Giáp vị trí 1 đường Trần Bình Trọng (đầu cầu D1)	7.000	4.200	3.500
4	Đường Vực Giang (Từ đường Lê Chân đi Vực Giang gặp đường Quân sự)	Đoạn sau VT1 đường Trần Bình Trọng	Ngã ba Đình Làng (hết đất nhà bà Mão)	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp theo Ngã ba Đình Làng (hết đất nhà bà Mão)	Cầu Trần Đình (giáp đất nhà ông Vượng)	3.500	2.100	1.750
		Cầu Trần Đình (giáp đất nhà ông Vượng)	Đường đá quân sự	2.500	1.500	1.250
5	Đường Láng Tròn (Từ đường Vực Giang đi Láng Tròn, gặp đường Trần Bình Trọng)	Đoạn sau VT1 đường Vực Giang	Gặp đường Trần Bình Trọng	3.500	2.100	1.750
6	Đường Xóm Đảo - TDP Nam Thọ	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng (ngã ba)	Giáp đất nhà ông Cận (sau vị trí 1 đường kè hồ 1)	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp theo từ ngã 3 cổng vào Đàm Sầu	Tiếp giáp đất quân sự	2.500	1.500	1.250
		Đoạn tiếp theo ngã ba sau vị trí 1 đất nhà bà Tiếp	Sau vị trí 1 đường kè hồ 1	6.000	3.600	3.000
7	Đường Cường Bắc (Từ khu vực quân sự đi TDP)	Đoạn từ giáp đất khu vực quân sự	Giáp đất Ao (phường Quản lý) - đối diện hết đất xưởng mộc nhà	7.000	4.200	3.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Đồng Lân)		ông Tư			
		Đoạn từ đất Ao (phường Quản lý) - đối diện hết đất xưởng mộc nhà ông Tư	Hết đất nhà bà Đức Mùi	3.500	2.100	1.750
		Đoạn giáp đất nhà bà Đức Mùi	Ranh đất TDP Đồng Lân giáp đất nhà ông Nhất	2.500	1.500	1.250
8	Đường Phạm Ngũ Lão	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Hết đất Trạm biến áp	5.000	3.000	2.500
		Đoạn giáp đất Trạm biến áp	Hết đất nhà ông Mạnh	3.500	2.100	1.750
		Đoạn giáp đất nhà ông Mạnh	Đến giáp ranh giới đất phường Yên Bái	2.500	1.500	1.250
9	Đường Đồng Tiến	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Gặp đường Lê Chân	6.000	3.600	3.000
		Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đồng Tiến	Gặp đường lên RaĐa	4.000	2.400	2.000
10	Đường Độc Miếu	Sau VT1 Đường Đồng Tiến	Đến Ngã 6 Cầu Đền	6.000	3.600	3.000
11	Đường Phạm Khắc Vinh nhánh 2	Sau VT1 Đường Phạm Khắc Vinh	Đến đường Đồng Tiến	5.000	3.000	2.500
12	Đường Bờ Đập	Sau vị trí 1 đường Trần Bình	Đập đầu mố Nam Cường	5.000	3.000	2.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		Trọng				
		Đoạn tiếp theo dọc theo Ngòi ống	Ngã ba đường rẽ Xuân Lan	5.000	3.000	2.500
		Đoạn còn lại Quan đập Tuy Lộc cũ	Đến giáp ranh giới đất TDP Xuân Lan	3.000	1.800	1.500
13	Đường lên RADA	Sau VT 1 đường Trần Bình Trọng	Đến giáp đất Quân sự (Ra Đa)	3.000	1.800	1.500
14	Đường Láng Dài	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Đường Xóm Đảo - TDP Nam Thọ	3.000	1.800	1.500
		Đoạn tiếp theo từ Cống (trước đất ông Chiến)	Đến gặp đường Xóm Đảo - TDP Nam Thọ (sau vị trí 1 đất nhà ông Thanh)	3.000	1.800	1.500
15	Đường Độc Đình	Sau VT 1 đường kè hồ 3	Đến đường Thao trường	3.300	1.980	1.650
16	Đường thao trường	Sau VT1 đường Lê Chân	Đến đường Cường Bắc	3.000	1.800	1.500
17	Đường nội bộ khu đất đầu giá TDP Nam Thọ	Sau VT1 Đường Trần Bình Trọng	Đến gặp đường Bờ Đập	6.000	3.600	3.000
18	Đường kè hồ 1	Đoạn hết đất nhà ông Bình đến gặp ngã ba Đường Xóm Đảo - TDP Nam Thọ theo ven Hồ 1	Đến hết đất nhà ông Thiện Anh (Đầm Sáu)	8.000	4.800	4.000
		Đoạn tiếp theo vòng theo ven hồ	Đập đầu mỗi hồ 1	7.000	4.200	3.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		1				
		Đoạn tiếp theo hướng qua nhà văn hóa TDP Nam Thọ	Đầu cầu Đ1 (giáp đất ông Mai Quang Chiến) đường bê tông rộng 3,5m	6.000	3.600	3.000
19	Đường kè hồ 02	Từ nhà ông Tùng (đường Vực Giang)	Đến cầu D1	8.000	4.800	4.000
20	Đường Kè hồ 03 (Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân đến cầu Trần Đình)	Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân	Đến cầu Trần Đình (đường Bê tông rộng 6,0m)	6.000	3.600	3.000
		Đoạn tiếp giáp đường Vực Giang	Đình làng Nam Cường (đường Bê tông rộng 3,0m)	4.500	2.700	2.250
		Đoạn từ Cầu Đền vòng theo ven hồ 3	Đất bà Nga (đường Bê tông rộng 3,0m)	4.000	2.400	2.000
21	Đường lên Trường Tiểu Học Nam Cường	Sau VT1 Đường Trần Bình Trọng	Đến đường Phạm Khắc Vinh	4.000	2.400	2.000
22	Đường Phú Thịnh	Từ đầu cầu D2, Chạy theo dưới Nghĩa trang nhân dân Khe Don	Giáp ranh giới tổ dân phố Hiền Dương (nhà ông Trung Hiền)	2.000	1.200	1.000
23	Các tuyến đường liên tổ dân phố	Nhánh rẽ từ từ sau vị trí 1 đường Phú Thịnh (đất ông Khoa)	Gặp đường Cường Bắc	1.500	900	750
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Phú	Đến tiếp giáp TDP Đồng	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		Thịnh qua Khu vui chơi Cát Thành cũ	Chuối (hết đất nhà Ông Hải Loan) và đến cổng Nhà bà the (đường cụt)			
		Nhánh rẽ vào ngõ 118 sau vị trí 1 sau vị trí 1 đường Lê Chân	Hết đất nhà ông Chúc và đến hết đất nhà ông Hùng	4.000	2.400	2.000
		Nhánh rẽ 1: Sau vị trí 1 đường Láng Tròn tiếp giáp phía sau đất nhà ông Tám số nhà 38	Đến giáp ranh giới đất Quân sự (Trung đoàn 921).	2.500	1.500	1.250
23	Các tuyến đường liên tổ dân phố	Nhánh rẽ 2: Sau VT1 đường Láng Tròn (đối diện tiểu công viên)	Đến giáp ranh giới đất Quân sự (Trung đoàn 921).	2.500	1.500	1.250
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc: Đất nhà Bà Hương	Giáp đất phường Yên Bái (ngã ba rẽ cổng sau trường Y)	2.500	1.500	1.250
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc, nhà bà Tự	Ngã ba giáp đất nhà bà Lương	2.000	1.200	1.000
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc (sau đất nhà ông Hiếu)	Gặp đường Phú Thịnh	2.000	1.200	1.000
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc (sau trang trại ông	Hết đất nhà ông Liên	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		Thành)				
		Nhánh rẽ Sau vị trí 1 đường Bờ Đập (nhà ông Cường)	Đến giáp ranh giới TDP Đồng Tiến đất nhà ông Tiến (đường Cụt)			
24	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc phường Nam Cường cũ)			1.500	900	750
25	Đường Cường Thịnh	Đoạn giáp ranh TDP Hồng Hà (ngã ba trước nhà ông Cựơc)	Ngã ba hết đất nhà ông Thành	1.450	870	730
		Đoạn tiếp theo (tiếp giáp đất ông Thành)	Qua ngã ba Trỏ Đá đến ngã ba rẽ tổ dân phố Đồng Phú.	500	300	250
		Đoạn ngã ba ông Thành tiếp giáp đất khu tái định cư	Giáp trạm gác Tiểu đoàn 27, Trung đoàn 921	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đến ngã ba Trỏ Đá, rẽ trái theo đường bê tông	Tiếp giáp ranh giới TDP Đồng Phú (hết đất nhà ông Trung Hiền)	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đi qua UBND xã Cường Thịnh (cũ)	Đến ngã tư TDP Đàm Hồng (hết đất nhà ông Thuận và đối diện hết đất nhà ông Thắng)	1.000	600	500
		Đoạn tiếp theo từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Đến tiếp giáp đất xã Trản Yên (hết đất nhà ông Hưng)	500	300	250
		Đoạn từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Ngã ba đối diện đất ở nhà ông	500	300	250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
			Hùng Dung			
		Đoạn từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Đến ngã ba hết đất nhà ông Tuấn	500	300	250
25	Đường Cường Thịnh	Đoạn nhà ông Thuận qua ngã ba nhà ông Tuấn	Giáp ranh nhà ông Bình Bàn	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba giáp đất Bưu điện đối diện hết đất UBND xã Cường Thịnh (cũ)	Ngã ba hết đất nhà ông Ngọc (đường rẽ tổ dân phố Cường Bắc và đường rẽ TDP Trục Bình)	700	420	350
		Ngã ba – đường rẽ đi tổ dân phố Cường Bắc	Hết đất nhà ông Nhất TDP Đồng Lân (giáp ranh TDP Cường Bắc)	1.000	600	500
		Ngã ba đường rẽ đi TDP Trục Bình (tiếp giáp đất nhà ông Ngọc – đối diện đất nhà ông Thương)	Hết đất nhà ông Quý giáp ranh TDP Trục Bình	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba dốc Đình	Hết đất nhà Hùng (giáp ranh giới TDP Trục Bình)	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba quán tạp hóa Thu Anh	Hết đất nhà ông Hanh (giáp đất nghĩa trang Đại Phong)	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba (sau UBND xã	Đến ngã ba ông Hợi (TDP Đất	500	300	250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		Cường Thịnh cũ)	Đen)			
25	Đường Cường Thịnh	Đoạn từ ngã ba nhà ông Kiều TDP Đàm Hồng	Đập Chóp Dù	350	210	180
		Đoạn từ đất nhà văn hóa TDP Đất Đen	Ngã ba giáp đất ông Thân TDP đất Đen	500	300	250
		Đoạn từ ngã ba nhà ông Tịnh (TDP Hiền Dương)	Trạm gác Tiểu đoàn 27, Trung đoàn 921	500	300	250
26	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc địa bàn xã Cường Thịnh cũ)			350	210	180
27	Đường Yên Bái – Khe Sang	Từ ranh giới phường Yên Bái	Cầu Bốn Thước	4.500	2.700	2.250
		Cầu Bốn Thước	Hết đất nhà ông Cường Hải tổ dân phố Minh Long	4.000	2.400	2.000
		Đất nhà ông Cường Hải tổ dân phố Minh Long	Đến hết đất nhà ông bà Sơn Hoan-TDP Bái Dương	3.500	2.100	1.750
		Từ nhà ông Nguyễn Đình Thái TDP Ninh Thuận	Giáp ranh đất xã Trấn Yên	2.200	1.320	1.100
28	Đường Yên Bái – Khe Sang rẽ TDP Ninh	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Đến giáp đất khu trung đoàn cũ	500	300	250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Phúc (Khu trung đoàn cũ)					
29	Đường Yên Bái – Khe Sang rẽ TDP Ninh Phúc (Đường giáp xã Trấn Yên)	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang (giáp ranh xã Trấn Yên)	Đến hết đất ngã ba nhà ông Trần Văn Chiến	500	300	250
30	Đường TDP Xuân Lan nhánh I (Đoạn từ gác chắn tổ dân phố Xuân Lan đến Cổng Công ty CP VLXD Yên Bái)	Đoạn từ gác chắn tổ dân phố Xuân Lan	Cổng Công ty CP VLXD Yên Bái	1.800	1.080	900
31	Đường TDP Xuân Lan nhánh II (Từ nhà ông Hiên Hợp đến Giáp ranh giới phường Yên Bái)	Từ đất nhà ông Hiên Hợp	Giáp ranh giới phường Yên Bái	1.800	1.080	900
32	Đường TDP Xuân Lan nhánh III (Từ đường sắt cầu Bốn Thước đến Cầu Ống)	Từ đường sắt cầu Bốn Thước	Cầu Ống	1.800	1.080	900
33	Đường TDP Xuân Lan	Từ đất nhà ông bà Hưng Chính	Giáp ranh giới đất sân bay	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	nhánh IV (Từ nhà ông bà Hưng Chinh đến giáp ranh giới đất sân bay)					
34	Đường TDP Minh Thành nhánh I (Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến hết đất nhà ông Lung)	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Hết đất nhà ông Lung	1.800	1.080	900
35	Đường thôn Minh Thành nhánh II (Từ nhà ông Nguyễn Thế Tạo đến hết đất NVH Minh Đức cũ)	Từ đất nhà ông Nguyễn Thế Tạo	Đến hết đất NVH Minh Đức cũ	1.800	1.080	900
36	Đường TDP Thanh Sơn nhánh I (Từ nhà bà Cúc Đoán đến giáp ranh giới đất sân bay)	Từ đất nhà bà Cúc Đoán	Giáp ranh giới đất sân bay	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
37	Đường TDP Thanh Sơn nhánh II (Từ cống Đầm Rôm đến gặp Nhánh I – hết đất nhà ông Vũ Văn Hiệp)	Từ cống Đầm Rôm	Gặp Nhánh I (hết đất nhà ông Vũ Văn Hiệp)	1.800	1.080	900
38	Đường liên tổ (sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến hết đất nhà bà Tuyền)	Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Hết đất nhà bà Tuyền	1.800	1.080	900
39	Đường TDP Minh Long nhánh I (Từ nhà ông Phú Huyền đến cánh đồng (Đầm Rôm)	Đường TDP Minh Long nhánh I (Từ nhà ông Phú Huyền)	cánh đồng (Đầm Rôm)	1.800	1.080	900
40	Đường TDP Minh Long nhánh II (Từ nhà ông Thắng Bình đến gặp ranh giới đất sân bay)	Từ đất nhà ông Thắng Bình	Gặp ranh giới đất sân bay	1.800	1.080	900
41	Đường TDP Minh Long nhánh III (Từ nhà ông Bình Thảo đến gặp đường sắt)	Từ đất nhà ông Bình Thảo	Gặp đường sắt	1.800	1.080	900
42	Đường TDP Minh	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái –	Hết gặp đường nối đê bao đến	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Long nhánh IV (Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà bà Nga Trạm đến gặp đường nối đê bao đến sân thể thao xã Tuy Lộc cũ)	Khe Sang qua nhà bà Nga Trạm	sân thể thao xã Tuy Lộc cũ			
43	Đường TDP Minh Long nhánh V (Từ nhà ông Ngô Gia Anh Cổng nhà ông Nguyễn Văn Giang TDP Hợp Thành)	Từ đất nhà ông Ngô Gia Anh	Cổng nhà ông Nguyễn Văn Giang TDP Hợp Thành	1.800	1.080	900
44	Đường TDP Hợp Thành nhánh I (Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà ông Luận đến Ngã tư ra Trung tâm công nghệ cao Hòa Bình Minh)	Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà ông Luận	Ngã tư ra Trung tâm công nghệ cao Hòa Bình Minh	1.800	1.080	900
45	Đường TDP Hợp Thành nhánh II (Từ nhà ông Đinh Công Long qua trường)	Từ đất nhà ông Đinh Công Long qua trường THCS	Đất nhà bà Hảo Lâm	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	THCS đến nhà bà Hảo Lâm)					
46	Đường TDP Hợp Thành nhánh III (Từ nhà ông Hạnh Tâm đến Gặp nhánh IV (hết đất ông Đặng Văn Bình)	Đường TDP Hợp Thành nhánh III (Từ nhà ông Hạnh Tâm đến)	Gặp nhánh IV (đến hết đất ông Đặng Văn Bình)	1.800	1.080	900
47	Đường TDP Hợp Thành nhánh IV (Từ nhà ông Hòa Lan) đến gặp nhánh (hết đất ông Lê Văn Thú)	Đường TDP Hợp Thành nhánh IV (Từ nhà ông Hòa Lan)	Gặp nhánh (đến hết đất ông Lê Văn Thú)	1.800	1.080	900
48	Đường TDP Bái Dương nhánh I (từ nhà ông Quang Thành đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh I (từ nhà ông Quang Thành)	Đường sắt	1.800	1.080	900
49	Đường TDP Bái Dương nhánh II (từ nhà ông Được đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh II (từ nhà ông Được)	Đường sắt	1.800	1.080	900
50	Đường TDP Bái	Đường TDP Bái Dương nhánh	Gặp ranh giới đất Sân bay	1.800	1.080	900

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Dương nhánh III (Từ nhà ông Khôi Lan qua Nhà văn hóa TDP Bái Dương đến Gặp ranh giới đất Sân bay)	III (Từ nhà ông Khôi Lan qua Nhà văn hóa TDP Bái Dương)				
51	Đường TDP Bái Dương nhánh IV (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Kiều đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh IV (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Kiều)	Đường sắt	1.800	1.080	900
52	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan đến Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương)	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan)	Hết đất ông bà Hưng Định thuộc TDP Xuân Lan	2.500	900	750
53	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan)	Đường đê bao Tuy Lộc (Từ nhà ông bà Hưng Định thuộc TDP Xuân Lan)	Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương	1.500	1.500	1.250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Lan đến Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương)					
54	Đường nối từ đường đê đến sân thể thao xã Tuy Lộc cũ	Đường đê bao Tuy Lộc cũ	Sân thể thao xã Tuy Lộc cũ	3.400	2.040	1.700
55	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến Ngã ba Dung Hanh	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Đến Ngã ba Dung Hanh	500	300	250
56	Đường từ ngã ba Dung Hanh đến Giáp ranh sân bay Yên Bái	Đường từ ngã ba Dung Hanh	Giáp ranh sân bay Yên Bái	500	300	250
57	Đường từ ngã ba ông Nguyễn Đăng Khoa đến Ngã ba ông Cựơc	Đường từ ngã ba ông Nguyễn Đăng Khoa	Ngã ba ông Cựơc	500	300	250
58	Đường từ ngã ba Dung Hanh đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lục	Đường từ ngã ba Dung Hanh	Hết ranh giới đất ở nhà ông Lục	500	300	250
59	Đường từ ngã ba ông Đinh Tiến Dũng đi NVH TDP Hồng Hà Đến ngã ba ông Cựơc	Đường từ ngã ba ông Đinh Tiến Dũng	NVH TDP Hồng Hà Đến ngã ba ông Cựơc	500	300	250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
60	Đường ngã ba đất bà Nguyễn Thị Chinh đi qua NVH TDP Hồng Thái đến Ngã ba ông Trần Duy Lâm	Đường ngã ba đất bà Nguyễn Thị Chinh	NVH TDP Hồng Thái đến Ngã ba ông Trần Duy Lâm	500	300	250
61	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Hùng đến hết đất ông Đỗ Viết Văn	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Hùng	Hết đất ông Đỗ Viết Văn	500	300	250
62	Đường từ nhà ông Tùy Đông đến cầu máng TDP Ninh Phúc	Đường từ nhà ông Tùy Đông	Cầu máng TDP Ninh Phúc	500	300	250
63	Đường từ sau vị trí 1 Yên Bái – Khe Sang rẽ vào TDP Ninh Phúc đến hết ranh giới đất ở nhà ông Ngọc	Sau vị trí 1 Yên Bái – Khe Sang	Hết ranh giới đất ở nhà ông Ngọc	500	300	250
64	Đường giáp bờ sông (đoạn từ NVH Ninh Thuận đến đất khu vực Nhà bia liệt sỹ)	Đoạn từ NVH Ninh Thuận	Giáp ranh đất Nhà bia	500	300	250
65	Đường Thanh Liêm	Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến nhà ông Tuấn	Đến đất nhà ông Tuấn	8.000	4.800	4.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
		Đoạn nhà ông Tuấn	Đến hết ranh giới đất phường Nam Cường (xã Minh Bảo cũ)			
66	Đường Hà Huy Tập (Đoạn qua địa phận phường Nam Cường)	Đoạn giáp ranh đất phường Yên Bái	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	5.000	3.000	2.500
67	Đường Trục Bình đi Cường Bắc	Từ đất bà Hoa Trường	Nghĩa trang TDP Bảo Tân	2.000	1.200	1.000
68	Đường Bảo Yên – Trục Bình	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất nhà bà Xuân Minh	Đến hết đất nhà ông Ngôn	2.500	1.500	1.250
69	Đường Yên Minh nối Thanh Liêm	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm (Nhà bà Hạnh Tốt)	Hết đất nhà bà Thu	2.500	1.500	1.250
70	Đường Đồng Đình (Đoạn từ đường Thanh Liêm đến Công ty CP chăn nuôi Hòa Lộc)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Đến hết cổng Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hòa Lộc	5.000	3.000	2.500
71	Đường Bê tông từ đường Thanh Liêm (nhà bà Hạnh Tốt) đến giáp ranh phường Văn Phú (Yên thịnh cũ)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Giáp ranh phường Văn Phú (Yên thịnh cũ)	3.000	1.800	1.500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
72	Đường từ đường Thanh Liêm đến hết đất Nhà bà Nguyễn	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Hết đất bà Nguyễn	2.500	1.500	1.250
73	Đường từ đường Rặng Nhãn đến ngã ba Nhà Nguyễn Hộ Giáo Minh Bảo	Từ sau VT1 đường Rặng Nhãn (nhà ông Dũng)	Đến hết đất Nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	2.500	1.500	1.250
74	Đường Rặng Nhãn (Từ đường Thanh Liêm đập đường Đá Bia)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Ngã ba Trục Bình	3.500	2.100	1.750
		Ngã ba Trục Bình	Đến VT1 đường Đá Bia	3.000	1.800	1.500
75	Đường Yên Thế	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm (sau đất nhà Ông Lịch)	Giáo đất phường Văn Phú (phường Yên Thịnh cũ) hết đất nhà bà Tám	2.500	1.500	1.250
76	Đường liên thôn Trục Bình – Cường Thịnh	Đường liên thôn Trục Bình (ông Bách)	Đến đất Cường thịnh (giáp đất nhà ông Khoa)	2.500	1.500	1.250
77	Đường Liên thôn Bảo Tân – Yên Minh	Đường liên thôn Bảo Tân (Bà Chức) giáp đất phường Yên Bái	Hết ngã ba đất bà đết bà Niên	2.000	1.200	1.000
78	Đường Bảo Yên nối đường Rặng Nhãn (đi	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm Đường Bảo Yên (Từ đất nhà	Đến đường Rặng Nhãn (cổng chùa Minh Bảo)	2.500	1.500	1.250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Sân vận động Thanh Niên)	Tiến)				
79	Đường Bảo Tân đi sân vận động Thanh Niên (phường Đồng Tâm) (Từ khán đài A sân vận động Thanh Niên đến gặp đường Rặng nhãn)	Từ giáp đất phường Yên Bái (đất nhà ông Thân)	Hén gặp đường Rặng Nhãn	3.000	1.800	1.500
80	Đường vào Hồ Thuận Bắc	Cầu Sinh Thái	Hồ Thuận Bắc	2.000	1.200	1.000
81	Đường xóm 1 (đường Bàng Trám) Yên Minh	Sau VT1 đường Thanh Liêm	Ngã ba đất bà Niên	3.500	2.100	1.750
82	Đường ngõ 106 từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất nhà ông Khoản đến hết đất nhà ông Cẩm TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau VT1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Khoản	Hết đất nhà ông Cẩm	4.000	2.400	2.000
83	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đến hết đất nhà bà Huế TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau VT1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà Mai	Đến hết đất nhà bà Huế	3.000	1.800	1.500
84	Đường nhánh từ sau	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường	Hết đất nhà ông Chính	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà ông Tiên đến hết đất nhà ông Chinh TDP Yên Minh	Thanh Liêm từ nhà ông Tiên				
		Đoạn từ nhà ông Ngân	Hết đất nhà ông Hiệp và ông Quý	2.000	1.200	1.000
85	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đến hết đất nhà bà Tuyết TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	Hết đất nhà bà Tuyết	2.000	1.200	1.000
86	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Huyện Linh đến hết đất nhà ông Thắng (đường lên nhà VH Yên Minh)	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Huyện Linh	Hết đất nhà ông Thắng (Đường lên nhà VH Yên Minh)	3.000	1.800	1.500
87	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất ông Ngừ đến hết đất nhà ông Hiễn TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Ngừ	Đến hết đất nhà ông Hiễn	3.000	1.800	1.500
88	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà	Hết đất nhà ông Bắc	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Liên từ đất bà Thu đến hết đất ông Bắc TDP Thanh Niên	Thu				
89	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Thành đến hết đất bà Chi TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Thành	Hết đất nhà Bà Chi	2.000	1.200	1.000
90	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất Bà Khiếu đến hết đất Bà Trường TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Bà Khiếu	Hết đất nhà Bà Trường	2.000	1.200	1.000
91	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Bà Chanh đến hết đất bà Muôn TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Bà Chanh	Hết đất nhà Bà Muôn	2.000	1.200	1.000
92	Đoạn từ nhà Bà Đào đến hết đất nhà ông Tiến (đường Đá lải)	Nhánh 1: Đoạn từ đất nhà Bà Đào	Hết đất nhà ông Tiến	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	TDP Thanh Niên					
93	Sau vị trí đường Thanh Liêm đến nhà ông Hợp (Đường Đá lải TDP Thanh Niên	Sau VT1 đường Thanh Liêm	Đến hết đất nhà ông Hợp	2.000	1.200	1.000
94	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ Trụ sở CA cũ đến hết đất ông Đốc TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ Trụ sở CA cũ	Hết đất nhà ông Đốc	2.000	1.200	1.000
95	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất ông Báu đến hết đất Vinh Dạ TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Báu	Hết đất nhà ông Vinh Dạ (đường Đồng Gáo)	1.500	900	750
96	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Duy đến hết đất ông Lựu TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Duy	Đến hết đất nhà Ông Lựu	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
97	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Hạnh hết đất ông Thẩm Hậu TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Hạnh	Đến hết đất nhà Thẩm Hậu	2.000	1.200	1.000
98	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Văn hóa Bảo Yên đến hết đất Ông Vinh TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Văn hóa Bảo Yên	Đến hết đất nhà ông Vinh	2.000	1.200	1.000
99	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất bà Xuân hết đất Ông Chia TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà Xuân	Đến hết đất nhà ông Chia	2.000	1.200	1.000
100	Đường Đầm Bùn (TDP Bảo Yên)	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm (từ đất nhà bà Ngân)	Đến hết đất ông Hải	2.000	1.200	1.000
101	Đường Dốc đỏ (TDP Bảo Yên)	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Ông Đắc	Hết đất ông Sâm Hào	2.000	1.200	1.000
102	Từ sau vị trí vị trí 1 đường Thanh Liêm vào	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	Đến hết đất nhà ông An	1.000	600	500

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Xóm Thùng TDP Bảo Yên					
103	Đường Bê tông từ đất nhà bà Mười đến trại Lợn Kỳ Anh (TDP Bảo Tân)	Từ đất nhà bà Mười	Trại Lợn Kỳ Anh	1.500	900	750
104	Đường bê tông từ đất Thủy Khang đến hết đất nhà ông Vĩnh (giáp tổ dân phố đất đen (Cường thịnh cũ)	Từ đất nhà Thủy Khang	hết đất nhà ông Vĩnh (giáp TDP đất đen)	2.500	1.500	1.250
105	Đường Bê tông từ đất nhà ông Ám đến hết đất nhà ông Lợi (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình	Hết đất nhà ông Lợi	2.000	1.200	1.000
106	Đường Bê tông từ ngã ba (nhà ông Minh) đến hết đất nhà Bà Lưu (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông Minh)	Hết đất Nhà bà Lưu	2.500	1.500	1.250
107	Đường bê tông từ ngã ba (nhà ông Thuận đến	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông	Hết đất nhà ông Vĩnh	2.500	1.500	1.250

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	hết đất ông Vinh TDP Bảo Yên	Thuấn)				
108	Đường bê tông từ ngã ba (nhà ông Thuấn) đến hết đất nhà ông Hưng (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông Thuấn)	hết đất nhà ông Hưng	2.000	1.200	1.000
109	Đường Bê tông từ đất nhà ông Long đến hết đất bà Thu TDP Yên Minh đi Thanh Niên	Đoạn từ nhà ông Long	Hết đất Nhà bà Thu	2.000	1.200	1.000
110	Đường Bê tông từ nhà bà Bình đến hết đất nhà ông Quang	Từ sau VT1 đường Đồng đình	hết đất Nhà ông Quang	2.500	1.500	1.250
111	Đường Bê tông từ ngã ba Công ty Hoà Lộc đến hết đất nhà ông Lợi	Từ sau VT1 đường Đồng đình (ngã ba Công ty Hoà Lộc)	Hết đất nhà ông Lợi	2.500	1.500	1.250
112	Đường Bê tông từ nhà bà Nguyên đến hết đất nhà ông Hợp và bà Thủy	Đoạn từ đất nhà bà Nguyên	Hết đất nhà ông Hợp và bà Thủy	2.000	1.200	1.000
113	Đường Bê tông từ nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Tích TDP	Đoạn từ nhà ông Hiền	hết đất Nhà ông Tích	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	Trục Bình					
	Đường BT từ Trạm Biể thể đến hết đất nhà ông Quang TDP Trục Bình	Đoạn từ Trạm Biể thể	hết đất Nhà ông Quang	2.000	1.200	1.000
	Đường BT từ Trạm Biể thể đến hết đất nhà bà Hải TDP Trục Bình	Đường từ Trạm biể thể	hết đất nhà bà Hải	1.500	900	750
	Đường Bê tông từ nhà ông Trưởng đến hết đất nhà ông Tân TDP Trục Bình	Đường từ nhà ông Trưởng	hết đất nhà ông Tân	2.000	1.200	1.000
114	Đường Rặng Nhãn từ đất nhà ông Khương đến hết đất nhà Bà An TDP Thanh Niên	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ đất nhà ông Khương	hết đất Nhà Bà An	3.000	1.800	1.500
115	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ Cổng chùa Minh Bảo đến hết đất Thủy Giang TDP Bảo Yên	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ Cổng chùa Minh Bảo	hết đất Thủy Giang	3.000	1.800	1.500
116	Đường bê tông từ hết đất nhà bà Hòa đến hết	Đoạn từ nhà bà Hòa	hết đất Nhà ông Sơn BT 3m ngõ cụt	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
	đất ông Sơn TDP Trục Bình					
117	Đường bê tông từ hết đất nhà ông Sơn Xuân đến hết đất nhà ông Dương Trại gà (TDP Trục Bình	Đường từ nhà ông Sơn	hết đất Nhà ông Dương BT 3m ngõ cụt	2.000	1.200	1.000
118	Đường bê tông từ nhà ông Bằng đến hết đất nhà ông Phương TDP Trục Bình.	Đường từ nhà ông Bằng	hết đất Nhà Ông Phương BT 3m ngõ cụt	2.000	1.200	1.000
119	Đường bê tông từ đất nhà Văn hóa đến hết đất ông Thoán	Đường từ nhà Văn hóa	hết đất Nhà ông Thoán BT 3m	2.000	1.200	1.000
120	Nhánh 1 từ đất nhà ông Thoán đến hết đất nhà ông Chiến TDP Trục Bình.	Nhánh từ đất nhà ông Thoán	hết đất Nhà ông Chiến BT 3m ngõ cụt	1.500	900	750
121	Nhánh 2 từ đất nhà ông Thoán đến hết đất nhà ông Hoàn TDP Trục Bình.	Nhánh từ đất nhà ông Thoán	hết đất Nhà ông Hoàn BT 3m ngõ cụt	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
122	Đường bê tông từ nhà Văn hoá Trục Bình đến nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	Đường bê tông từ nhà Văn hoá Trục Bình	giáp đất Nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	2.000	1.200	1.000
123	Đường bê tông từ đất nhà ông Vinh đến hết đất nhà ông Hữu TDP Trục Bình	Đường từ đất nhà ông Vinh	hết đất Nhà ông Hữu BT 3m ngõ cụt	2.500	1.500	1.250
124	Đường bê tông từ đất nhà ông Sinh đến hết đất Mỏ đá Vigaera TDP Bảo Tân.	Đường từ đất nhà ông Sinh đến	đất Mỏ đá Vigraxera	2.000	1.200	1.000
125	Sau vị trí 1 đường Rặng nhân (Từ đất nhà bà Hoa Trường đến hết đất Bà Đẩu) đường đi Cường Thịnh	Đường từ đất Hoa Trường	hết đất bà Đẩu (đường đi Cường Thịnh)	3.000	1.800	1.500
126	Đường bê tông từ Ngã ba đất (nhà ông Xuân) đến hết đất bà Thuý TDP Bảo Tân	Đường từ Ngã ba đất nhà ông Xuân	hết đất Nhà bà Thuý BT 3m ngõ cụt	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
127	Đường bê tông từ đất nhà ông Tư đến hết đất nhà ông Hải TDP Bảo Tân.	Đường từ đất nhà ông Tư	hết đất Nhà ông Hải BT 3m ngõ cụt	2.000	1.200	1.000
128	Đường bê tông từ cầu (sau Đại đội C20) đến hết đất nhà ông Long TDP Bảo Tân	Đường từ cầu (sau Đại đội C20)	hết đất Nhà ông Long BT 3m ngõ cụt	1.500	900	750
129	Nhánh 1: Đường bê tông từ đất nhà ông Tấn đến hết đất nhà ông Nghị TDP Thanh Niên	Đường từ đất nhà ông Tấn	hết đất Nhà ông Nghị BT 3m ngõ cụt	2.000	1.200	1.000
130	Nhánh 2: Đường bê tông từ đất ngã ba nhà bà Oanh đến hết đất nhà ông Đua TDP Thanh Niên	Đường từ đất ngã ba nhà bà Oanh	hết đất nhà ông Đua BT 3m	2.000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
131	Đường bê tông từ đất nhà bà Hà đến hết đất bà Sợi (Minh) TDP Bảo Tân	Đường từ ngã đất bà nhà bà Hà	hết đất Bà Sợi (Minh)	2.000	1.200	1.000
132	Đường bê tông từ đất nhà Chức đến hết đất nhà Ông Luận TDP Bảo Tân	Đường từ ngã ba đất nhà Bà Chức	Hết đất nhà ông Luận	2.000	1.200	1.000
133	Đường bê tông từ ngã ba đất bà Chức đến hết đất bà Phụng TDP Bảo Tân.	Đường từ ngã ba đất nhà Bà Chức	Hết đất nhà Bà Phụng	2.000	1.200	1.000
134	Đường bê tông từ đất ông Quyền đến hết đất bà Thu TDP Bảo Yên.	Đường từ ngã ba đất nhà ông Quyền	đến hết đất nhà bà Thu	2.000	1.200	1.000
135	Đường bê tông từ đất nhà ông Quyền đến hết đất nhà ông Sửu TDP Bảo Yên	Đường từ ngã ba đất nhà ông Quyền	hết đất nhà ông Sửu	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
136	Đường bê tông từ ngã ba Nhà ông Tảo đến hết đất bà Nguyệt TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà ngã ba Nhà ông Tảo	hết đất nhà Bà Nguyệt	2.000	1.200	1.000
137	Đường bê tông từ đất ông Vĩnh đến hết đất nhà ông Cố TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà ông Vĩnh	hết đất nhà ông Cố đường đất 2,5m	1.000	600	500
138	Đường bê tông từ đất nhà bà Dự đến hết đất nhà ông Quang TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà bà Dự	hết đất nhà ông Quang	2.000	1.200	1.000
139	Đường bê tông từ nhà Văn Hóa Bảo Yên cũ đến hết đất nhà ông Quốc TDP Bảo Yên	Đường từ nhà Văn Hoá	hết đất Nhà ông Trại ông Quốc	1.500	900	750
140	Đường bê tông từ nhà Văn hóa Bảo yên cũ đến hết đất nhà ông Tao	đường từ nhà Văn hóa	hết đất nhà ông Tao	1.500	900	750

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng
141	Đường bê tông từ đất nhà ông Lịch đến hết đất nhà Bà Hương TDP	Đường nhà ông Lịch	Nhà bà Hương	1.500	900	750
142	Đường bê tông từ đất ông Luận đến hết đất nhà ông Duyên TDP Yên Minh	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết nhà ông Duyên	3.000	1.800	1.500
143	Đường bê tông từ đất nhà Luận đến hết đất nhà Hoàng Anh TDP Yên Minh	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết đất nhà ông Hoàng Anh	3.000	1.800	1.500
144	Đường bê tông từ đất nhà ông Luận đến hết đất bà Hà TDP Bảo Tân	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết đất bà Hà	2.000	1.200	1.000
145	Đường bê tông xóm 5 thôn Bảo Tân đến hết đất nhà ông Vũ TDP Bảo Tân	Đường xóm 5 thôn Bảo Tân (Giáp đất phường Đồng Tâm)	hết đất nhà ông Vũ	2.000	1.200	1.000
146	Các tuyến đường khác còn lại có chiều rộng mặt đường từ 2,0m đến dưới 3,0m (địa bàn xã Minh Bảo cũ)			2000	1.200	1.000

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng